

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ b
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 17 /2021/QĐST- HNGĐ

b, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ b, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Bùi Đức T - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Đông Tr, xã Hà B, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa

2/ Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 5, phường Ba Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Ba Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau và không còn quan hệ gì về tình cảm. Đến nay, anh T và chị N đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị N .

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, là cháu Bùi Đức P (nam) sinh ngày 19/6/2020. Ly hôn anh T và chị N thống nhất giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 3 năm 2021.

Việc thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị N .

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị N .

- Về con chung: Giao con chung Bùi Đức P , sinh ngày 19/06/2020 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, anh Bùi Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự anh Bùi Đức T và chị Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất anh T chịu lệ phí của cả hai người phải nộp. Chuyển số tiền anh T đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2019/0007181 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần lệ phí của anh T và chị N. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B
- UBND phường Ba Đ , thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc L